

Bản án số: 81/2021/HS-ST
Ngày 26 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hòa và ông Nguyễn Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Phúc Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thùy, Kiểm sát viên.

Ngày 26/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Khuất Văn T, sinh năm 1980 tại xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; nơi ĐKKHKT: Thôn Triệu Xuyên 2 (cụm 7 cũ), xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khuất Văn Thiện (c) và bà Hà Thị Dung; có vợ và 04 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/10/2016 đến ngày 16/3/2017 tại ngoại. “có mặt”

2. Nguyễn Đăng H, sinh năm 1983 tại xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; nơi ĐKKHKT: Thôn Triệu Xuyên 2 (cụm 7 cũ), xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng Diễm (c) và bà Nguyễn Thị Chuối; có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/10/2016 đến ngày 16/3/2017 tại ngoại. “có mặt”

3. Trần Quang T1, sinh năm 1959 tại phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; nơi ĐKKHKT: Tổ 18, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Hưu trí; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; trình độ văn hóa: Lớp 10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức Chính và bà Lê Thị Thuận; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2012, Khuất Văn T, sinh năm 1980, trú tại: Thôn Triệu Xuyên 2 (Cụm 7 cũ), xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội mở cửa hàng bán đồ gỗ tại số 1032 Đê La Thành, quận Đống Đa, TP. Hà Nội. Trong số khách hàng quen của Thắng có Nguyễn Văn Long (Thắng chỉ nghe Long giới thiệu ở Kê Sặt, Bắc Ninh còn nhân thân, lai lịch cụ thể Thắng không biết). Sau nhiều lần mua hàng của Thắng thì khoảng tháng 6/2013, Long đặt vấn đề với Thắng mua hộ hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) và thỏa thuận: Nếu Thắng cung cấp được thương xuyên cho Long hóa đơn GTGT thì Long sẽ trả cho Thắng 3.500.000đồng/1 tháng. Thắng đồng ý và gặp Nguyễn Đăng H (là cháu họ của Thắng, sinh năm 1983, trú tại: Thôn Triệu Xuyên 2 (Cụm 7 cũ), xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội) là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại và dịch vụ Quỳnh Dương (gọi tắt là Công ty Quỳnh Dương). Thắng thỏa thuận với H: nếu bán hóa đơn GTGT cho Thắng thì Thắng sẽ trích lại cho H 1% trên tổng giá trị tiền ghi trên hóa đơn. H đồng ý và thỏa thuận với Thắng mỗi hóa đơn không được ghi quá 20.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, H đã ký, đóng dấu không vào 03 quyển hóa đơn GTGT, séc, ủy nhiệm chi, giấy giới thiệu và đưa con dấu của công ty Quỳnh Dương cho Thắng. Thắng đưa lại toàn bộ cho Long. Từ đó, cứ ngày 20 hàng tháng, Long đưa các hóa đơn cho Thắng và Thắng chuyển lại cho H để kế toán công ty Quỳnh Dương làm báo cáo thuế. Thắng đã bán 08 hóa đơn của Công ty Quỳnh Dương và trả cho H 15.000.000đồng.

Ngoài số hóa đơn cùng Thắng bán cho Long, Nguyễn Đăng H còn trực tiếp bán 03 hóa đơn không có hàng hóa, hưởng lợi 1.700.000đồng.

Khoảng tháng 10/2013, H thấy nhiều hóa đơn có số tiền vượt trên 20 triệu đồng nên không đồng ý và yêu cầu Thắng trả lại cho H toàn bộ hóa đơn, séc, ủy nhiệm chi, giấy giới thiệu và con dấu của Công ty Quỳnh Dương và H cũng không bán cho Thắng hóa đơn GTGT của Công ty Quỳnh Dương nữa.

Cũng trong tháng 8/2013 với mục đích thành lập Công ty để mua bán hóa đơn, Thắng đã nhờ Nguyễn Văn Chiến (sinh năm 1981, trú tại: Thôn Triệu Xuyên 2 (cụm 8 cũ), xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội là bạn của Thắng khi đó đang làm nghề xe ôm) đứng tên Giám đốc để thành lập hộ Thắng Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại Phương Anh (gọi tắt là Công ty Phương Anh). Khi nhờ Chiến đứng ra làm Giám đốc Công ty Phương Anh, Thắng không nói cho Chiến biết việc mình thành lập Công ty để mua bán hóa đơn GTGT và Thắng cũng không trả lương hay lợi ích gì cho Chiến. Ngày 13/8/2013, Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy đăng ký kinh doanh cho công ty Phương Anh, với ngành nghề kinh doanh là: “Sản xuất sắt, thép, gang, sản xuất đồ gỗ các loại”. Khi có giấy phép kinh doanh của

Công ty Phương Anh, Thắng giữ giấy phép kinh doanh và con dấu của công ty mà không đưa cho Chiến. Công ty Phương Anh không hoạt động sản xuất kinh doanh gì mà Thắng tiếp tục dùng Công ty này để cùng Long mua bán hóa đơn GTGT. Đối với Chiến khi đứng tên làm Giám đốc Công ty Phương Anh hộ Thắng thì không biết Công ty hoạt động như thế nào. Thắng đưa cho Chiến ký các hợp đồng mua bán hàng hóa, các hóa đơn xuất bán hàng và các ủy nhiệm chi thì Chiến chỉ biết ký cho Thắng nhưng không biết ký để làm gì.

Tổng hợp cả hai công ty Quỳnh Dương và Phương Anh, Thắng đã bán trái phép 28 hóa đơn. Thắng khai đã nhận từ Long số tiền 60.000.000đ, đã chi cho Hội 15.000.000đ, Thắng hưởng 45.000.000đ.

Với các hành vi nêu trên, bản án hình sự sơ thẩm số 07/2018/HSST ngày 28/02/2018, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã xét xử, tuyên phạt Khuất Văn T 12 tháng tù, Nguyễn Đăng H 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Mua bán trái phép hóa đơn.

Thắng và Hội đã đi thi hành án xong bản án hình sự sơ thẩm số 07/2018/HSST ngày 28/02/2018 của TAND huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội.

Ngày 25 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội ra quyết định số 24/2020/HS-GĐT tuyên hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 07/2018/HSST ngày 28/02/2018 của TAND huyện Phúc Thọ để điều tra lại. Yêu cầu điều tra lại làm rõ các nội dung:

- Tài liệu điều tra xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng đã xác định Khuất Văn T đã có hành vi bán trái phép 28 hóa đơn, hưởng lợi 45.000.000đ; Nguyễn Đăng H có hành vi bán trái phép 11 hóa đơn, hưởng lợi 16.700.000đ. Trên cơ sở đó, Tòa án cấp Sơ thẩm kết án Khuất Văn T, Nguyễn Đăng H về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo khoản 1, Điều 164a Bộ luật Hình sự 1999 (nay là khoản 1 điều 203 BLHS 2015 có hiệu lực từ 01/01/2018). Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ trong vụ án thể hiện: Ngoài 28 hóa đơn cấp Sơ thẩm đã xác định, Khuất Văn T còn có hành vi bán trái phép 19 hóa đơn cho 07 doanh nghiệp kê khai nhằm hợp thức hóa chứng từ, kế toán kê khai thuế. Các tài liệu đã được xác minh khẳng định đây là các hóa đơn không, thực tế không có hàng hóa giao dịch giữa công ty Phương Anh với các công ty, doanh nghiệp nêu trên; hàng hóa ghi trên hóa đơn không thuộc quyền sở hữu của công ty Phương Anh. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng đã không xem xét đến 19 hóa đơn trên là bỏ lọt hành vi phạm tội. Trong trường hợp đủ căn cứ phải truy tố theo khoản 2 điều 164a Bộ luật Hình sự 1999 (nay là điểm d, khoản 2 điều 203 Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực từ 01/01/2018).

- Trần Quang T1 là giám đốc Nhà máy X20 thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cơ khí ô tô Thanh Xuân (viết tắt là Công ty Thanh Xuân) đã mua hàng hóa của Công ty TNHH Huyền Thanh do Nguyễn Văn Quyết làm Giám đốc có liên quan đến 12 hóa đơn GTGT của công ty Phương Anh nhằm hợp thức hóa chứng từ

cho số hàng hóa trị giá 19.678.180đồng, vi phạm điểm c, khoản 3 và điểm b, khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT ngày 26/6/2013 của BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC-BTC. Hành vi của Trần Quang T1 và Nguyễn Văn Quyết có dấu hiệu phạm tội “ Mua bán trái phép hóa đơn” theo khoản 1, điều 164a BLHS 1999 (nay là khoản 1 điều 203 BLHS 2015 có hiệu lực từ 01/01/2018). Quá trình điều tra, truy tố, xét xử Sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng chưa điều tra, xem xét, làm rõ hành vi của Trần Quang T1 và Nguyễn Văn Quyết là có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội.

Kết quả điều tra lại đã xác định:

Khuất Văn T đã bán trái phép 47 hóa đơn GTGT gồm:

1. 07 hóa đơn GTGT gồm: số 0000018 ngày 01/7/2013, số 0000021 ngày 04/7/2013, 0000024 ngày 15/7/2013, 0000027 ngày 23/7/2013, 0000031 ngày 25/7/2013, 0000035 ngày 26/7/2013 và 0000071 ngày 09/10/2013 của Công ty Quỳnh Dương được Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Hòa Phát (viết tắt là Công ty Hòa Phát) sử dụng kê khai thuế.

2. 01 hóa đơn GTGT số 0000062 ngày 03/10/2013 của Công ty Quỳnh Dương được Công ty cổ phần đầu tư thương mại HMH (viết tắt là công ty HMH) sử dụng kê khai khấu trừ thuế.

3. 02 hóa đơn GTGT số 0000122 ngày 04/1/2014 và 0000133 ngày 06/1/2014 của Công ty Phương Anh được Công ty TNHH Nhật Linh (viết tắt là công ty Nhật Linh) sử dụng để kê khai thuế đầu vào.

4. 05 hóa đơn GTGT số 0000051, 0000062, 0000081, 0000099, 0000100 của Công ty Phương Anh được công ty TNHH MTV xây dựng 99 (viết tắt là công ty 99) sử dụng để kê khai khấu trừ thuế đầu vào.

5. 12 (mười hai) hóa đơn GTGT của Công ty Phương Anh gồm 0000054 ngày 01/12/2013, số 0000058 ngày 02/12/2013, số 0000060 ngày 02/12/2013, số 0000066 ngày 03/12/2013, số 0000073 ngày 04/12/2013, số 0000076 ngày 05/12/2013, số 0000086 ngày 06/12/2013, số 0000089 ngày 07/12/2013, số 0000090 ngày 08/12/2013, số 0000093 ngày 09/12/2013, số 0000096 ngày 10/12/2013, số 0000097 ngày 11/12/2013 được công ty TNHH MTV cơ khí ô tô Thanh Xuân (viết tắt là Công ty Thanh Xuân) sử dụng để kê khai thuế đầu vào.

6. 01 Hóa đơn GTGT số 0000043 ngày 01/12/2013 của công ty Phương Anh được công ty cổ phần xây lắp và thương mại Nhật Vân (viết tắt công ty Nhật Vân) sử dụng để kê khai khấu trừ thuế đầu vào.

7. 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 000065 ngày 05/10/2013 của Công ty Quỳnh Dương bán cho công ty TNHH TM tổng hợp Đức Trung.

8. 07 hóa đơn GTGT của công ty Phương Anh (số 0000025, 0000026, 0000029, 0000031, 0000040 ngày 01/12/2013 và số 0000127, 0000128 ngày 06/1/2014) bán cho doanh nghiệp tư nhân chế biến lâm sản Kiều Hương

9. 02 hóa đơn GTGT của công ty Phương Anh (số 0000067 ngày 03/12/2013 và số 0000094 ngày 09/12/2013) bán cho Công ty cổ phần xây dựng và phát triển nông thôn 2.

10. 01 hóa đơn GTGT số 0000144 ngày 25/02/2014 của Công ty Phương Anh bán cho Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật GTC.

11. 03 hóa đơn GTGT số 0000018, 0000023, 0000101 của công ty Phương Anh bán cho Công ty cổ phần xây dựng TM Thiên Phúc sử dụng để kê khai thuế đầu vào.

12. 01 hóa đơn của Công ty Phương Anh số 0000079 ngày 05/12/2013 bán cho công ty TNHH Công nghệ chính xác.

13. 04 hóa đơn của Công ty Phương Anh số (0000055, 0000056, 0000072 và 0000077) bán cho công ty TNHH MTV SX và TM Duy Hưng.

Nguyễn Đăng H đã bán trái phép 12 hóa đơn GTGT cho các Công ty khác, trong đó cùng Thắng bán 09 hóa đơn (07 hóa đơn cho công ty Hòa Phát; 01 hóa đơn cho công ty HMH như đã nêu trên và 01 hóa đơn bán cho Công ty Đức Trung). Ngoài ra, Hoi còn trực tiếp bán trái phép 03 hóa đơn GTGT cho công ty Sinh Liên là:

03 hóa đơn GTGT gồm số 0000064 ngày 05/10/2013, số 0000066 ngày 07/10/2013 và số 0000068 ngày 09/10/2013 của công ty Quỳnh Dương được công ty TNHH thương mại dịch vụ Sinh Liên (viết tắt là công ty Sinh Liên) sử dụng kê khai khấu trừ thuế đầu vào.

Đối với Trần Quang T1: Hồ sơ điều tra lần 1 thể hiện: Trần Quang T1 là Giám đốc nhà máy X20 thuộc công ty Thanh Xuân. Cuối năm 2013 nhà máy X20 được công ty Thanh Xuân giao tự chủ hạch toán sản xuất đơn hàng tủ hồ sơ cho Công an tỉnh Hà Nam. Nhà máy X20 (có xưởng sản xuất tại thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) mua hàng hóa vật tư của công ty TNHH Huyện Thanh (địa chỉ: phố Chùa Dận, xã Đình Bảng, thị xã Từ Sơn) do ông Ngô Văn Quyết làm Giám đốc (mua bán trực tiếp không có hợp đồng). Để hợp thức hóa chứng từ mua hàng, Công ty Huyện Thanh có giao 12 hóa đơn GTGT của công ty Phương Anh cho ông Tấn với điều kiện ông Tấn phải trả phí hóa đơn. Sau đó ông Tấn mang 12 hóa đơn trên đưa về Phòng tài chính kế toán của công ty Thanh Xuân để quyết toán.

Kết quả điều tra lần 2 xác định: Công ty TNHH Huyện Thanh được thành lập từ năm 2009 do ông Ngô Văn Quyết làm Giám đốc, nhân sự của Công ty ổn định, kinh doanh thực tế, liên tục đến nay và có phát hành, in hóa đơn ngay từ ngày thành lập.

Làm việc với cơ quan thuế khu vực Từ Sơn xác định trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến 2014, công ty Huyện Thanh không có giao dịch mua bán hàng hóa với nhà máy X20 mà chỉ có 04 (bốn) hóa đơn thể hiện có giao dịch mua bán hàng hóa với công ty Thanh Xuân.

Làm việc tại Từ Sơn và tại Công an huyện Phúc Thọ, ông Quyết khai không biết, không giao dịch mua bán hàng hóa với công ty Phương Anh và nhà máy X20, không cung cấp 12 hóa đơn của Công ty Phương Anh cho ông Tấn hoặc ai khác.

Làm việc tại công ty TNHH MTV Nam Triệu (năm 2016 công ty Thanh Xuân giải thể và sát nhập vào công ty Nam Triệu) xác định:

Cuối năm 2013, công ty Thanh Xuân giao khoán thi diêm cho nhà máy X20 được chủ động gia công sản xuất đơn hàng tủ hồ sơ cho Công an tỉnh Hà Nam. Theo Điều lệ của Công ty, ông Hùng là Phó Giám đốc công ty Thanh Xuân đứng ra ký hợp đồng với Công an tỉnh Hà Nam, nhà máy X20 sẽ chủ động từ khâu mua vật tư nguyên liệu, thi công lắp ráp đến khi hoàn thành sản phẩm bàn giao. Khi quyết toán với công ty Thanh Xuân, nhà máy X20 phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ phù hợp với vật tư hàng hóa đã mua để sản xuất các sản phẩm của đơn hàng thì Công ty sẽ thanh quyết toán.

Quá trình gia công đơn hàng làm tủ sắt cho công an tỉnh Hà Nam, cán bộ, nhân viên nhà máy X20 mua hàng hoá, vật tư ở nhiều cơ sở, công ty thuộc địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, nhưng chủ yếu là mua của Công ty Huyền Thanh. Việc mua hàng hóa gì, số lượng bao nhiêu do ông Tấn trực tiếp đi mua hoặc chỉ đạo cán bộ dưới quyền đi mua. Ông Tấn chỉ đạo cán bộ, nhân viên dưới quyền “ai mua hàng hoá vật tư thì phải cung cấp hoá đơn, chứng từ kèm theo về để quyết toán với Công ty”. Tại công ty Huyền Thanh, hồ sơ, tài liệu chứng minh chỉ có 04 giao dịch hàng hóa được xuất hóa đơn (Cơ quan điều tra đã thu thập từ công ty Huyền Thanh và Chi cục thuế Từ Sơn đủ 04 hoá đơn cùng nội dung). Ông Tấn khai, khi đối chiếu các vật tư, hàng hoá mua đầu vào thực tế với 04(bốn) hoá đơn do công ty Huyền Thanh cung cấp thấy không phù hợp nên ông Tấn đã đề nghị anh Quyết (Giám đốc Công ty Huyền Thanh) bổ sung các hoá đơn hàng hoá cho đúng với số vật tư đã mua thì được Công ty Huyền Thanh cung cấp 12 hoá đơn của công ty Phương Anh, kèm theo phụ thu 10% tiền phí theo giá trị tiền ghi trong hoá đơn. Việc giao nhận 12 hoá đơn của Công ty Phương Anh, theo ông Vương (nhân viên của nhà máy X20 được ông Tấn phân công) và ông Tấn khai, nhận nhiều lần từ anh Quyết, mẹ, vợ anh Quyết hoặc nhân viên của công ty Huyền Thanh. Do nhận thức chỉ cần có hóa đơn để hợp thức hóa các vật tư đã mua là được nên ông Tấn không thắc mắc gì khi Công ty Huyền Thanh giao 12 hóa đơn GTGT của Công ty Phương Anh. Còn các nhân viên khác của nhà máy X20 mua hàng hóa, vật tư lấy hóa đơn, chứng từ gì đều theo chỉ đạo của ông Tấn.

Trong số 12 hoá đơn của công ty Phương Anh, ông Tấn giao cho ông Quế, ông Vương mỗi người ký 04 hoá đơn thuộc nhóm hàng hoá vật tư do mỗi người phụ trách, còn lại 04 hóa đơn tổng hợp, ông Tấn ký ở mục người mua hàng. Sau đó, ông Tấn tập hợp các hoá đơn, bổ sung ngày tháng cùng các chứng từ khác nộp cho bộ phận kế toán, tài chính của công ty Thanh Xuân (vì ngày tháng điền sau nên ngày ghi trong các hóa đơn chỉ từ 01/12/2013 đến ngày 11/12/2013, thực tế 12 hóa đơn được lấy về trong thời gian khoảng 3 tháng). Bộ phận kế toán của công ty Thanh Xuân kiểm tra chứng từ thấy phù hợp, kiểm tra trên hệ thống thấy công ty Phương Anh có hoạt động bình thường nên đã cho nhà máy X20 thanh quyết toán và sử dụng 12 hóa đơn của Công ty Phương Anh kê khai khấu trừ thuế đầu vào.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 27/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ truy tố bị cáo Khuất Văn T và Trần Quang T1 theo khoản 2 Điều 203 của Bộ luật hình sự năm 2015, Nguyễn Đăng H theo khoản 1 Điều 164a của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội Mua bán trái phép hóa đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 164a của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm c, d khoản 2 Điều 203; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

Khuất Văn T 15-18 tháng tù, được trừ thời gian đã thi hành án của bản án số 07/2018/HSST ngày 28/02/2018 của TAND huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội; Trần Quang T1 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; Nguyễn Đăng H 09-12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi cùng về tội Mua bán trái phép hóa đơn. Không phạt hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai:

Khoảng tháng 6/2013, Khuất Văn T gặp Nguyễn Đăng H là Giám đốc Công ty Quỳnh Dương trao đổi nếu Hội bán hóa đơn GTGT cho Thắng thì Thắng sẽ trích lại cho Hội 1% trên tổng số tiền ghi trên hóa đơn. Hội đồng ý và thỏa thuận với Thắng mỗi hóa đơn không được ghi quá 20.000.000 đồng. Hội đã ký, đóng dấu không vào 03 quyền hóa đơn GTGT, séc, ủy nhiệm chi, giấy giới thiệu và đưa con dấu của công ty Quỳnh Dương cho Thắng. Thắng đã bán trái phép 09 hóa đơn của Công ty Quỳnh Dương cho các Công ty khác.

Ngoài 09 hóa đơn cùng Thắng bán, Nguyễn Đăng H còn trực tiếp bán 03 hóa đơn của Công ty Quỳnh Dương, tổng cộng 12 hóa đơn, hưởng lợi 16.700.000 đồng (trong đó 15.000.000 đồng do Thắng trả % hóa đơn).

Khoảng tháng 10/2013, Hội thấy nhiều hóa đơn Thắng bán ghi số tiền vượt quá 20 triệu đồng nên yêu cầu Thắng trả lại cho Hội toàn bộ hóa đơn, séc, ủy nhiệm chi, giấy giới thiệu và con dấu của Công ty Quỳnh Dương và Hội cũng không bán cho Thắng hóa đơn GTGT của Công ty Quỳnh Dương nữa.

Tháng 8/2013 với mục đích thành lập Công ty để mua bán hóa đơn, Khuất Văn T đã nhờ Nguyễn Văn Chiến đứng tên Giám đốc để thành lập hộ Thắng Công ty Phương Anh. Thắng không nói cho Chiến biết việc mình thành lập Công ty để mua bán hóa đơn GTGT và Thắng cũng không trả lương hay lợi ích gì cho Chiến. Khi có giấy phép kinh doanh của Công ty Phương Anh, Thắng giữ giấy phép kinh doanh và

con dấu của công ty mà không đưa cho Chiến. Công ty Phương Anh không hoạt động sản xuất kinh doanh gì mà Thắng tiếp tục dùng Công ty này để mua bán hóa đơn GTGT cho các công ty khác. Chiến không biết Công ty Phương Anh hoạt động như thế nào và kinh doanh gì. Thắng đưa cho Chiến ký các hợp đồng mua bán hàng hóa, các hóa đơn xuất bán hàng và các ủy nhiệm chi thì Chiến chỉ biết ký cho Thắng nhưng không biết ký để làm gì.

Từ khi bắt đầu bán trái phép hóa đơn của cả 2 Công ty Quỳnh Dương và Phương Anh đến ngày bị bắt, Thắng đã bán 47 hóa đơn và hưởng lợi số tiền 60.000.000 đồng, trong đó đã chi cho Hội 15.000.000 đồng.

Tất cả hàng hóa ghi trong các hóa đơn của 2 Công ty Quỳnh Dương và Phương Anh do Thắng và Hội đã bán nêu trên không phải của 2 Công ty này. 2 Công ty này không có hàng hóa nào cũng như không có bất kỳ giao dịch nào đối với các Công ty đã sử dụng hóa đơn của 2 Công ty này do Thắng và Hội bán ra.

Trần Quang T1 là Giám đốc nhà máy X20 trực thuộc công ty Thanh Xuân. Cuối năm 2013, công ty Thanh Xuân giao khoán thí điểm cho nhà máy X20 được chủ động gia công sản xuất đơn hàng tủ hồ sơ cho Công an tỉnh Hà Nam. Theo Điều lệ của Công ty, ông Hùng là Phó Giám đốc công ty Thanh Xuân đứng ra ký hợp đồng với Công an tỉnh Hà Nam, nhà máy X20 sẽ chủ động từ khâu mua vật tư nguyên liệu, thi công lắp ráp đến khi hoàn thành sản phẩm bàn giao. Khi quyết toán với công ty Thanh Xuân, nhà máy X20 phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ phù hợp với vật tư hàng hóa đã mua để sản xuất các sản phẩm của đơn hàng thì Công ty sẽ thanh quyết toán. Ông Tấn chỉ đạo các cán bộ, nhân viên dưới quyền “ai mua hàng hoá vật tư thì phải cung cấp hoá đơn, chứng từ kèm theo để quyết toán với Công ty”. Ông Tấn và nhân viên của nhà máy được ông Tấn phân công mua vật tư phần lớn mua của Công ty Huyền Thanh. Ngoài ra còn mua của một số cửa hàng khác. Khi đối chiếu các vật tư, hàng hoá đầu vào thực tế với 04 hoá đơn do công ty Huyền Thanh cung cấp thấy không phù hợp nên ông Tấn đã đề nghị anh Quyết (Giám đốc Công ty Huyền Thanh) bổ sung các hoá đơn mua hàng hoá vật tư còn thiếu cho đúng với số vật tư đã mua thì được Công ty Huyền Thanh cung cấp 12 hoá đơn của Công ty Phương Anh. Việc giao nhận 12 hoá đơn này, ông Vương (cán bộ nhà máy X20) và ông Tấn nhận nhiều lần từ anh Quyết, mẹ, vợ anh Quyết hoặc nhân viên của công ty Huyền Thanh. Mặc dù Nhà máy X20 không giao dịch mua hàng hóa gì của Công ty Phương Anh, do nhận thức chỉ cần có hóa đơn để hợp thức hóa các vật tư đã thực mua nên ông Tấn không thắc mắc gì khi Công ty Huyền Thanh cung cấp hóa đơn bán hàng của Công ty Phương Anh. Khi có 12 hoá đơn của Công ty Phương Anh, ông Tấn giao cho ông Quế, ông Vương mỗi người ký 04 hoá đơn thuộc nhóm hàng hoá vật tư do người đó phụ trách, còn lại 04 hóa đơn tổng hợp, ông Tấn ký ở mục người mua hàng. Sau đó, ông Tấn tập hợp các hoá đơn, viết ngày tháng vào hóa đơn (khi nhận thì hóa đơn chưa ghi ngày, tháng) cùng các chứng từ khác nộp cho bộ phận kế toán, tài chính của công ty Thanh Xuân (vì ngày tháng điền sau nên ngày ghi trong các hóa đơn chỉ từ 01/12/2013 đến ngày

11/12/2013, thực tế 12 hóa đơn được lấy về trong thời gian khoảng 3 tháng). Bộ phận kế toán của công ty Thanh Xuân kiểm tra chứng từ thấy phù hợp, kiểm tra trên hệ thống thấy công ty Phương Anh đang hoạt động bình thường nên đã cho nhà máy X20 thanh quyết toán và sử dụng 12 hóa đơn này kê khai khấu trừ thuế đầu vào.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 01 năm 2014, Khuất Văn T và Nguyễn Đăng H đã có hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty Quỳnh Dương và Công ty Phương Anh, cụ thể:

Khuất Văn T cùng Nguyễn Đăng H bán trái phép 09 hóa đơn GTGT của Công ty Quỳnh Dương cho các Công ty khác, gồm 07 tờ hóa đơn cho Công ty Hòa Phát, 01 hóa đơn cho Công ty HMH và 01 hóa đơn cho Công ty Đức Trung. Nguyễn Đăng H trực tiếp bán 03 hóa đơn GTGT của Công ty Quỳnh Dương cho Công ty Sinh Liên. Khuất Văn T trực tiếp bán trái phép 38 hóa đơn GTGT của Công ty Phương Anh, gồm 02 hóa đơn cho Công ty Nhật Linh, 05 hóa đơn cho Công ty xây dựng 99, 12 hóa đơn cho Công ty cơ khí ô tô Thanh Xuân, 01 hóa đơn cho Công ty Nhật Vân, 07 hóa đơn cho doanh nghiệp tư nhân chế biến lâm sản Kiều Hương, 02 hóa đơn cho Công ty xây dựng và phát triển nông thôn 2, 01 hóa đơn cho Công ty tư vấn kỹ thuật GTC, 03 hóa đơn cho Công ty Thiên Phúc, 01 hóa đơn cho Công ty Công nghệ chính xác, 04 hóa đơn cho Công ty Duy Hưng.

Tất cả hàng hóa ghi trong các hóa đơn của 2 Công ty Quỳnh Dương và Phương Anh do Thắng và Hoi đã bán nêu trên không phải của 2 Công ty này. 2 Công ty này không có hàng hóa nào cũng như không có bất kỳ giao dịch nào đối với các Công ty đã sử dụng hóa đơn của 2 Công ty này do Thắng và Hoi bán ra.

Khuất Văn T có hành vi bán trái phép 47 hóa đơn. Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn, hành vi của Khuất Văn T đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép hóa đơn quy định tại điểm d khoản 2 Điều 164a của Bộ luật hình sự năm 1999.

Nguyễn Đăng H có hành vi bán trái phép 12 hóa đơn. Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn, hành vi của Nguyễn Đăng H đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép hóa đơn quy định tại khoản 1 Điều 164a của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tổng số tiền mà Khuất Văn T và Nguyễn Đăng H hưởng lợi từ việc bán trái phép hóa đơn là 61.700.000đ, trong đó Thắng hưởng lợi 45.000.000đ, Hoi hưởng lợi 16.700.000đ. Các bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi này.

Trần Quang T1 là Giám đốc nhà máy X20 trực thuộc công ty Thanh Xuân trực tiếp mua và chỉ đạo nhân viên mua trái phép 12 hóa đơn của Công ty Phương Anh nhằm hợp thức hóa số vật tư, hàng hóa mua vào của đơn hàng đóng tử cho Công an tỉnh Hà Nam, mặc dù nhà máy X20 không mua hàng của Công ty Phương Anh. Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn, hành vi của Trần Quang

T1 đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép hóa đơn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 164a của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuy nhiên, tội Mua bán trái phép hóa đơn quy định tại khoản 2 Điều 203 của Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt và quy định khác nhẹ hơn so với khoản 2 Điều 164a của Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ truy tố các bị cáo Thắng và Tấn theo khoản 2 Điều 203 của Bộ luật hình sự năm 2015, truy tố bị cáo Hợi theo khoản 1 Điều 164a của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi theo luật định, đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương.

Vụ án có nhiều bị cáo tham gia nên cần phân hóa tội phạm, đánh giá vai trò của từng bị cáo, cá thể hóa trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Bị cáo Thắng có vai trò cao hơn các bị cáo khác, bán trái phép 47 hóa đơn và hưởng lợi số tiền 45.000.000đồng nên cần áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục. Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt, Tòa án cũng xem xét: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo có 2 bác ruột là liệt sĩ, bà ngoại là Mẹ Việt Nam anh hùng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Hợi đồng phạm hành vi bán trái phép 09 hóa đơn với Thắng và Hợi còn trực tiếp bán trái phép 03 hóa đơn, tổng hưởng lợi 16.700.000đồng. Bị cáo Tấn có hành vi chỉ đạo và trực tiếp mua trái phép 12 hóa đơn nhưng không có mục đích tư lợi mà cho rằng chỉ cần có hóa đơn phù hợp với vật tư hàng hóa đã thực mua để được quyết toán. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Hợi phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo Tấn có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có hơn 30 năm phục vụ trong Lực lượng vũ trang (đã nghỉ hưu) và được tặng thưởng nhiều Giấy khen và danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, bố và mẹ bị cáo Tấn là người có công với Cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng nên cho các bị cáo được hưởng lương khoan hồng của nhà nước, cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục, phòng ngừa.

[2]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo Thắng và Hợi không có nghề nghiệp ổn định và không có thu nhập khác, bị cáo Tấn đã nghỉ hưu nên không phạt hình phạt bổ sung.

[3]. Về vật chứng của vụ án: Toàn bộ vật chứng của vụ án đã được xử lý theo bản án số 07/2018/HSST ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ đã xử lý xong toàn

bộ vật chứng của vụ án khi bản án số 07 nêu trên có hiệu lực pháp luật trước khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội ban hành Quyết định giám đốc thẩm hủy bản án số 07 nên không còn để xem xét tại bản án này.

[4]. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các bị cáo Thắng và Hợi đã thi hành nộp án phí hình sự sơ thẩm của bản án số 07/2018/HSST ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, được đối trừ nên không phải nộp nữa.

[5]. Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo về mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Đối với số tiền thu lợi bất chính của Khuất Văn T là 45.000.000đồng và của Nguyễn Đăng H là 16.700.000đồng cần tịch thu, sung quỹ nhà nước. Thắng và Hợi đã nộp toàn bộ các khoản tiền trên theo Quyết định thi hành án của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện huyện Phúc Thọ khi bản án số 07/2018/HSST ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ có hiệu lực pháp luật, nên không phải nộp nữa.

[7]. Đối với anh Ngô Văn Quyết, Giám đốc Công ty Huyền Thanh: Trần Quang T1 khai Quyết bán 12 hóa đơn của Công ty Phương Anh cho Tấn. Tuy nhiên, qua đối chất, Quyết không nhận cung cấp 12 hóa đơn của công ty Phương Anh cho Tấn. Quyết khai không quen biết Tấn, chưa từng gặp Tấn. Các tài liệu điều tra, xác minh chưa đủ căn cứ chứng minh hành vi bán trái phép hóa đơn của Quyết, nên Cơ quan điều tra tách ra, khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với Nguyễn Văn Chiến là người Khuất Văn T nhờ đứng ra thành lập giúp công ty Phương Anh để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn. Chiến không biết việc Thắng thành lập công ty Phương Anh để mua bán hóa đơn và cũng không được Thắng trả hoặc hứa hẹn trả cho khoản tiền nào liên quan đến việc đứng ra thành lập và ký khống vào các chứng từ của Công ty Phương Anh nên không đủ căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra đã giáo dục, nhắc nhở đối với Chiến.

- Đối với Nghiêm Thị Vĩ là nhân viên kế toán của công ty Phương Anh. Vĩ không biết Công ty Phương Anh là công ty mua bán hóa đơn và chưa được Thắng trả tiền lương cho công việc kế toán nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý gì đối với Vĩ.

- Đối với Vương Thị Huyền là vợ của Nguyễn Đăng H. Huyền không biết việc mua bán hóa đơn của Công ty Quỳnh Dương giữa Thắng và Hợi nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý gì đối với Huyền.

- Đối với Hà Thị Xuân Sơn là vợ của Khuất Văn T. Sơn không liên quan và không biết việc mua bán hóa đơn của Thắng nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý gì đối với Sơn.

- Đối với Nguyễn Văn Long là người thuê và trả công cho Thắng để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT của công ty Quỳnh Dương và công ty Phương

Anh. Tuy nhiên, Cơ quan Cơ quan điều tra chưa xác minh làm rõ được nhân thân, lai lịch đối tượng nên tách ra khỏi vụ án. Khi xác minh làm rõ thì có hình thức xử lý sau.

- Đối với Phạm Thu Trang, Trần Thu Thủy và Nguyễn Anh Tuấn là những người giúp Thắng thực hiện các giao dịch tại Ngân hàng ở Hải Phòng: Phạm Thu Trang và Trần Thu Thủy là người viết nội dung trong hóa đơn GTGT, giao nhận các chứng từ liên quan đến hóa đơn GTGT của công ty Quỳnh Dương và công ty Phương Anh. Tuy nhiên, Cơ quan Cơ quan điều tra chưa xác minh làm rõ được nhân thân lai lịch và vai trò, vị trí của các đối tượng trong quá trình thực hiện việc mua bán phép hóa đơn của Thắng và Long nên tách ra. Khi xác minh làm rõ sẽ có hình thức xử lý sau.

- Đối với Nguyễn Văn Nam là người giúp Thắng trong việc hoàn thiện các thủ tục thành lập công ty Phương Anh nhưng không được Thắng trả công cho việc này. Nam là người quen của Long nên Thắng không biết có được Long trả công cho việc thành lập công ty Phương Anh để mua bán hóa đơn hay không. Cơ quan Cơ quan điều tra chưa xác minh làm rõ được nhân thân lai lịch và chức năng nhiệm vụ của đối tượng nên tách ra. Khi xác minh làm rõ sẽ có hình thức xử lý sau.

- Đối với Trần Văn Bình, Nguyễn Thị Lan là đối tượng đưa và giao nhận những giấy tờ, chứng từ liên quan đến hóa đơn GTGT của công ty Phương Anh và công ty Quỳnh Dương giúp Long và Thắng. Thắng không biết Lan và Bình có được hưởng lợi gì khi thực hiện việc giao nhận này từ Long hay không. Còn Thắng không trả công gì cho Lan và Bình. Cơ quan Cơ quan điều tra chưa xác minh được chức năng, nhiệm vụ của Lan và Bình trong vụ án nên tách ra. Khi xác minh làm rõ sẽ có hình thức xử lý sau.

- Đối với Lưu Thị Thái, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Hương Nhung và Nguyễn Thị Hoàn là những người thực hiện việc rút tiền từ tài khoản ngân hàng của công ty Phương Anh và công ty Quỳnh Dương không biết việc rút tiền là nhằm hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn và cũng không được trả công cho việc rút tiền này nên Cơ quan điều tra không xử lý gì đối với các đối tượng này.

- Đối với Nguyễn Trọng Quế (*nguyên phó giám đốc nhà máy X20*) dù không tham gia mua vật tư, hàng hóa tại đơn hàng cho công an tỉnh Hà Nam nhưng có ký 04 hóa đơn ở mục người mua hàng của công ty Phương Anh. Ông Quế khai được ông Tấn đưa cho 4 hóa đơn trên và bảo ký để hợp thức hóa hồ sơ khi đã làm xong đơn hàng, ông Quế không biết nguồn gốc hóa đơn cũng như thông tin về công ty Phương Anh. Việc ký vào các hóa đơn và chứng từ kèm theo không có sự bàn bạc thống nhất với Trần Quang T1. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với ông Quế.

- Đối với Nguyễn Quốc Vương (*phụ trách kỹ thuật nhà máy X20*) là người trực tiếp đi mua vật tư, hàng hóa tại công ty Huyền Thanh và các cửa hàng kim khí khác. Vương cũng nhận là người trực tiếp đi lấy (nhận) một số hóa đơn về nộp cho Tấn. Vương là nhân viên dưới quyền của Tấn, mọi công việc làm theo sự phân công,

chỉ đạo của Tấn, không có sự bàn bạc thống nhất về đường lối, nội dung với Tấn, không biết cụ thể lấy hóa đơn nào, của mã hàng nào, của công ty nào, làm việc theo sự chỉ đạo độc lập của cấp trên trực tiếp là Tấn nên chưa đủ căn cứ xử lý về hình sự.

- Đối với mẹ, vợ và nhân viên của Ngô Văn Quyết: Tấn, ông Vương và anh Hùng khai có nhận hóa đơn từ mẹ, vợ và nhân viên của Quyết trong đó có 12 hóa đơn của công ty Phương Anh. Ngoài lời khai của những người này, không có chứng cứ, tài liệu nào khác về việc mẹ, vợ và nhân viên của Quyết cung cấp 12 hóa đơn của công ty Phương Anh cho Tấn và nhân viên dưới quyền nên không đủ căn cứ xử lý gì trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố Khuất Văn T, Nguyễn Đăng H và Trần Quang T1 phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Khuất Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian đã thi hành án 12 tháng tù của bản án số 07/2018/HSST ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Trần Quang T1 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Quang T1 cho Ủy ban nhân dân phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 164a của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Nguyễn Đăng H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án, được trừ thời gian đã thi hành 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng của bản án số 07/2018/HSST ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. (đã thi hành án xong)

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án

Các bị cáo Khuất Văn T, Nguyễn Đăng H và Trần Quang T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Khuất Văn T và Nguyễn Đăng H được trừ vào số tiền mỗi bị cáo đã nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm của bản án số 07/2018/HSST ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. (đã thi hành xong)

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Đức Hiếu

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Công an huyện Phúc Thọ;
- Sở tư pháp TP. Hà Nội;
- Bị cáo; bị hại; người có QL,NV liên quan;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- Lưu HS, VP.

Hoàng Đức Hiếu

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án;